

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Xuân

Ông Đặng Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tuyết N - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số 12/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Hồng N, sinh ngày 17/11/1982

Địa chỉ: chung cư TL, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Tiến M, sinh ngày 15/8/1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu trước khi xuất cảnh: xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình,

Địa chỉ: J st C, Australia. Hiện đang du học tại: Trường S College of English Pty Ltd, M street, Broadway S, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Mai Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Phan Tiến M tìm hiểu và yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2004 tại UBND xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2009 chị N và chồng đã sống ly thân, chị N đã vào Đà Nẵng sinh sống và làm việc; Năm 2013 anh M cũng đi Úc làm việc cho đến nay. Trong thời gian xa nhau vợ chồng cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị N nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng xin ly hôn với anh Phan Tiến M.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Phan Văn H, sinh ngày 22/01/2005 hiện sống với chị N. Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2017 sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng; nhưng ở bản tự khai ngày 15/5/2017 chị N khai cháu H có nguyện vọng ở với bố.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung vợ chồng: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua cơ quan đại diện Việt Nam tại Úc về việc tổng đạt các giấy tờ: Thông báo thụ lý vụ án, đơn xin ly hôn của chị N, thông báo trên cổng thông tin điện tử và thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho anh M, niêm yết các giấy tờ tại Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Úc trong trường hợp anh M không đến nhận. Ngày 12/7/2017, Tòa án tỉnh Quảng Bình nhận được Biên bản xác nhận số 36-2017/LS-UTTP của Đại sứ quán Việt Nam tại Australia đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho đương sự và đã niêm yết các văn bản ủy thác tại trụ sở Đại sứ quán nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ tổng đạt.

Theo đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký của nguyên đơn chị Mai Thị Hồng N, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt của anh M gửi cho Tòa án. Tại bản kết luận giám định số 229/PC54(GĐ) ngày 28/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Bình kết luận chữ ký đứng tên Phan Tiến M tại bản tự khai ngày 01/11/2017 và đơn xin vắng mặt ngày 01/11/2017 và người ký tên M trên tài liệu cần giám định (thư gửi con trai) là do cùng một người ký ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N ly hôn anh M. Về con chung theo nguyện vọng cháu H ở với bố, nhưng hiện nay anh M đang sinh sống ở nước ngoài nên xử cho cháu H ở với mẹ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa theo khoản 1 Điều 474 và ngày 12/7/2017, Tòa án tỉnh Quảng Bình nhận được Biên bản xác nhận số 36-2017/LS-UTTP của Đại sứ quán Việt Nam tại Australia đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho đương sự và đã niêm yết các văn bản ủy thác tại trụ sở Đại sứ quán nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ tổng đạt. Ngày 01/11/2017, anh Phan Tiến M có bản tự khai và đơn xin vắng mặt gửi về cho chị N trong đó nêu rõ quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn

cứ khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự ở nước ngoài theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Theo trình bày của chị N thì tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn trách nhiệm với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình, bỏ mặc không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N và anh M ly hôn.

[2.2] Về con chung: Anh chị có một con chung Phan Văn H, sinh năm 2005. Mặc dù cháu H có nguyện vọng ở với bố, tuy nhiên hiện tại anh M đang sống và làm việc ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Theo trình bày của chị N thì chị có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng, vì vậy không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí và các chi phí khác: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Về chi phí ủy thác tư pháp chị N đã nộp tạm ứng, tuy nhiên Bộ tư pháp từ chối nhận ủy thác nên tiền tạm ứng đã nộp được trả lại cho chị N. Chi phí giám định chữ ký, chữ viết 5.440.000 đồng chị N đã nộp và đã chuyển cho cơ quan giám định; [2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Xử: cho chị Mai Thị Hồng N ly hôn anh Phan Tiến M.

Về con chung: giao cháu Phan Văn H, sinh ngày 22/01/2005 cho chị Mai Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 3/2018 cho đến khi cháu Phan Văn H tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000064 ngày 26/4/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị N được nhận lại 200.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp tại biên lai số 0000064 ngày 26/4/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Riêng anh Phan Tiến M được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 17/4/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thị Hải Dương

